

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08- 02 -2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương

2. Bà Trần Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021, về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, QĐ hoãn phiên tòa số 01/QĐST ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Đại L; địa chỉ: Tổ 03, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Tổ 03, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang (Tập thể Biên phòng tỉnh Hà Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn ngày 15/9/2021; bản tự khai ngày 15/10/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Bùi Thị Đại L trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 25/3/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi, cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh T còn có hành vi đánh đập bạo hành gây thương tích cho chị. Anh chị đã nhiều hòa giải tình cảm vợ chồng, anh T đã hứa và có viết cam kết sẽ sửa chữa, thay đổi cách sống của mình, nhưng sau đó anh T không thay đổi lối sống. Đầu năm 2021 chị đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án thành phố H và được Tòa án hòa giải nên chị nhất trí trở về đoàn tụ với hy vọng anh T sẽ thay đổi. Tuy nhiên từ tháng 6/2021 đến nay cuộc sống tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được, vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T xác nhận anh và chị L đã đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Anh T thừa nhận anh có chơi cờ bạc, bài lá (chơi chẵn) với anh em, mục đích để kiếm kinh tế về cho gia đình. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng cũng có va chạm với nhau nhưng không đến mức nghiêm trọng như chị L trình bày. Ngày 28/3/2021, do anh ghen tuông và nghe chị L nói đã mua đơn ly hôn nên anh không kiềm chế được đã đánh chị L. Anh T xác nhận vợ chồng đã sống ly thân 8 tháng nay, lý do vợ chồng sống ly thân do anh về quê thăm bố mẹ thì xảy ra dịch bệnh nên anh không về Hà Giang được, mặt khác chị L không tha thứ cho hành vi của anh. Anh T khẳng định anh vẫn còn rất yêu thương chị L và mong muốn được chị L tha thứ, anh hứa sẽ sửa đổi cách sống của bản thân, tu chí làm ăn và làm cho chị L được hạnh phúc. Anh không nhất trí ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị trở về đoàn tụ.

Về con chung:

- Chị L trình bày: Chị và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Nguyễn An Đ, sinh ngày 26/7/2014. Ly hôn chị L xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Tám trình bày: Anh T xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Nguyễn An Đ, sinh ngày 26/7/2014 là đúng. Do anh không muốn ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung.

Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 20/12/2021 các đương sự cùng giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn và nuôi con chung, quá trình hòa giải anh T bỏ về không chấp hành quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa:

Chị L giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn và việc nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Anh T vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 – BLTố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Đại L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Nguyễn An Đ, sinh ngày 26/7/2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Đại L địa chỉ: Tổ 03, phường N, TP.H và anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Tổ 03, phường N, TP.H. Chị L xin ly hôn với anh T, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình các đương sự yêu cầu giải quyết về Ly hôn, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị Đại L và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/3/2008 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[5]. Lý do chị Bùi Thị Đại L xin ly hôn là sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, dẫn đến hai vợ chồng hay cãi chửi đánh nhau, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không cải thiện được tình cảm, hiện nay đã sống ly thân. Vì vậy, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, chị L xin được ly hôn với anh T.

[6]. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp bởi lẽ: Quá trình vợ chồng chung sống, chị L và anh T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, không cải thiện được tình cảm. Bản thân anh T cũng thừa nhận anh và chị L phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống, hay bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh chơi cờ bạc và có hành vi đánh đập chị L, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, anh chị đã sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Trong khi cả hai anh chị lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có cơ hội trở về đoàn tụ, thường xuyên cãi chửi nhau, anh T còn có hành vi đánh chị L. Theo quy định tại Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng quan hệ hôn nhân của hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Theo biên bản xác minh ngày 22/12/2021 và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 21/12/2021; đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không có sự tin tưởng và yêu thương nhau, sống ly thân, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống của anh chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T.

[7]. Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Nguyễn An Đ, sinh ngày 26/7/2014. Ly hôn chị L xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị L và anh T đều những người có đủ điều kiện thu nhập và chỗ ở ổn định để nuôi con, nhưng nguyện vọng của cháu T và

cháu Đ đều muốn được ở cùng với chị L. Mặt khác, anh T không có ý kiến xin nuôi con chung. Căn cứ điều kiện của chị L và nguyện vọng của cháu T, cháu Đ, nên giao cháu các cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

[8]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[9]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị Lượng phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Đại L về việc: Ly hôn, nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Đại L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Đại L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Nguyễn An Đ, sinh ngày 26/7/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về Án phí: Chị Bùi Thị Đại L phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0000554 ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HG;
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. H;
- UBND xã P, H P,
Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Lê Thị Thanh Bình